

SỞ GD&ĐT TỈNH QUẢNG NAM
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
HUỖNH THỨC KHÁNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông

Năm học 2023 – 2024

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD và ĐT)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	20	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học	20	-
1	Phòng học kiên cố	20	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	5	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1,39	-
8	Bình quân học sinh/lớp	38	-
III	Số điểm trường		-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	15.0000	14,47m ² /hs
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2.000	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.288	1,00
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	448	0,35
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	78,6	0,061
3	Diện tích thư viện (m ²)	100	0,078
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động đoàn, phòng truyền thống (m ²)	60	0,05
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định.	3	3/30
1.1	Khối lớp 10	1	1/10
1.2	Khối lớp 11	1	1/10



STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1.3	Khối lớp 12	1	1/10
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định.		
2.1	Khối lớp 10		
2.2	Khối lớp 11		
2.3	Khối lớp 12		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	0	-
4			
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	65	19,76 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		
1	Ti vi	20	
2	Cát xét	3	
3	Đầu Video/đầu đĩa	01	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01	
5	Thiết bị khác...	5	
6			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 12/2011/QĐ-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 27/2011/QĐ-BYT ngày 24/06/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu – điều kiện đảm bảo vệ sinh)



	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	



HIỆN TRƯỞNG

Cái Văn Hùng

